TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D7080B1

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Họ c Kỳ 1 - Nă m Họ c 13-14

Tiêu chuẩn xét tốt nghiệp lớp TC07KE tại trường (TC07KE)

Số Tí n Chỉ Tí ch Lũ y Chung 181
Điể m Trung Bì nh Tí ch Lũ y 5.00

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	07223154	NGUYỄN THỊ CHIÊN	TC07KE	167.0	5.35	908347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	5		091	V V
						908375	Kế toá n thương mạ i	2		101	2 4
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
2	07223155	ĐẶNG THÀNH CÔNG	TC07KE	171.0	5.55		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
3	07223156	LÊ QUỐC CƯỜNG	TC07KE	167.0	5.41	908375	Kế toá n thương mạ i	2		101	3 4
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
4	07223247	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	TC07KE	172.0	5.61	908343	Nguyê n lý kế toá n	4		082	3 3
5	07223159	PHƯƠNG DUNG	TC07KE	152.0	5.36	902115	Toá n cao cấ p C2	3		081	3 V
						908224	Thố ng kê doanh nghiệ pQ	2		082	V 3
						908347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	5		091	1.0
						908355	Sổ sá ch chứ ng từ kế toá n	4		102	2.0 3.0
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
6	07223160	PHẠM THỊ ĐÀO	TC07KE	142.0	4.85	908318	Kế toá n hà nh chí nh SN	3		102	V V
						908327	Nghiệ p vụ thanh toá n	3		111	V V
						908342	Tà i chí nh cô ng	3		082	2 2
						908355	Sổ sá ch chứ ng từ kế toá n	4		102	2.0V
						908356	Kiể m toá n	4		111	V V
						908357	Hệ thố ng thô ng tin kế toá n	4		111	V V
						908364	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	4		102	V V
						908374	Kế toá n Nô ng nghiệ p	2		101	V V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						908375	Kế toá n thương mạ i	2		101	3 3
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
7	07223161	NGUYỄN TẤN ĐIỆP	TC07KE	178.0	6.06						
8	07223162	LÊ NGỌC EM	TC07KE	183.0	5.84		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
9	07223166	LÊ THỊ HẠNH	TC07KE	154.0	5.40	900101	Chủ nghĩa xã hộ i khoa họ c	4		091	3 V
						908374	Kế toá n Nô ng nghiệ p	2		101	3 V
						908375	Kế toá n thương mạ i	2		101	2 4
						908454	Quả n trị doanh nghiệ p	3		092	3 3
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		9		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
10	07223237	LÊ TRUNG HIẾU	TC07KE	157.0	5.62	908135	Luậ t tà i chí nh -kế toá n	4		092	3 3
						908224	Thố ng kê doanh nghiệ pQ	2		082	2 1
						908355	Sổ sá ch chứ ng từ kế toá n	4		102	3.0 3.0
						908375	Kế toá n thương mạ i	2		101	2 4
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
11	07223170	TRẦN THỊ TRUNG HIẾU	TC07KE	178.0	6.02						
12	07223171	NGUYỄN XUÂN HOA	TC07KE	166.0	6.69	908318	Kế toá n hà nh chí nh SN	3		102	V
						908452	Phâ n tí ch kinh doanh	3		102	
13	07223243	ĐỖ MẠNH HOÀNG	TC07KE	167.0	5.63	908375	Kế toá n thương mạ i	2		101	4.0
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
14	07223172	MAI XUÂN HỌC	TC07KE	178.0	6.01						
15	07223240	TRƯƠNG VĂN HÙNG	TC07KE	168.0	5.71	908343	Nguyê n lý kế toá n	4		082	3 3
16	07223236	ĐẶNG TRẦN ĐỒNG HƯỚNG	TC07KE	119.0	4.25	900107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	3		102	V V
						908135	Luậ t tà i chí nh -kế toá n	4		092	2 V
						908318	Kế toá n hà nh chí nh SN	3		102	V V
						908327	Nghiệ p vụ thanh toá n	3		111	V V
						908343	Nguyê n lý kế toá n	4		082	2 3

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						908351	Tà i chí nh doanh nghiệ p 2	5		092	2 V
						908355	Sổ sá ch chứ ng từ kế toá n	4		102	V V
						908356	Kiể m toá n	4		111	V V
						908357	Hệ thố ng thô ng tin kế toá n	4		111	V V
						908364	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	4		102	V V
						908372	Kế toá n ngâ n hà ng	2		101	V
						908373	Kế toá n xâ y dự ng	2		101	V V
						908374	Kế toá n Nô ng nghiệ p	2		101	V V
						908375	Kế toá n thương mạ i	2		101	V V
						908452	Phâ n tí ch kinh doanh	3		102	V V
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
17	07223175	NGUYỄN THỊ THU	LAN	TC07KE	170.0	5.60	908375	Kế toá n thương mạ i	2	101	4.0
18	07223245	NGUYỄN VĂN	LINH	TC07KE	172.0	5.64					
19	07224232	PHẠM TẤN	LỢI	TC07KE	174.0	5.75	902101	Toá n cao cấ p 1-K	3		
							902622	Phá p luậ t đạ i cương	3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		11		
20	07223181	KIÊN SA	MẮC	TC07KE	169.0	6.34	908452	Phâ n tí ch kinh doanh	3	102	
21	07223185	DƯƠNG HỒNG	NGÂN	TC07KE	185.0	5.62		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4	
22	07223187	TRẦN TUYẾT	NGÂN	TC07KE	185.0	5.68		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4	
23	07223190	CAO THỊ	NGỌC	TC07KE	172.0	5.73					
24	07223242	ĐINH THỊ	NGUYỆN	TC07KE	185.0	5.94		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4	
25	07223193	LƯU THỊ QUỲNH	NHƯ	TC07KE	178.0	6.01					
26	07223194	MEÁS DƯƠNG QUỲNH	NHƯ	TC07KE	160.0	5.49	908357	Hệ thố ng thô ng tin kế toá n	4	111	V V
							908364	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	4	102	4 V
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
27	07223197	LÊ NGỌC PHÚ	TC07KE	170.0	5.85	908135	Luậ t tà i chí nh -kế toá n	4		092	0 4
						908355	Sổ sá ch chứ ng từ kế toá n	4		102	2.0 4.0
28	07223251	LƯƠNG CHẤN TÂN PHÚ	TC07KE	163.0	5.60	908135	Luậ t tà i chí nh -kế toá n	4		092	4.0
						908372	Kế toá n ngâ n hà ng	2		101	V
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
29	07223198	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	TC07KE	185.0	5.99		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
30	07223200	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	TC07KE	178.0	6.10						
31	07223203	LÊ MINH SƠN	TC07KE	174.0	5.40	908364	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	4		121	V
32	07223207	VÕ THỊ NGỌC THAO	TC07KE	119.0	4.07	900107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	3		102	V V
						908135	Luậ t tà i chí nh -kế toá n	4		092	4 V
						908318	Kế toá n hà nh chá nh SN	3		102	V V
						908327	Nghiệ p vụ thanh toá n	3		111	V V
						908349	Ngoạ i ngữ chuyê n ngà nh E	4		092	0 V
						908351	Tà i chí nh doanh nghiệ p 2	5		092	3 V
						908355	Sổ sá ch chứ ng từ kế toá n	4		102	V V
						908356	Kiể m toá n	4		111	V V
						908357	Hệ thố ng thô ng tin kế toá n	4		111	V V
						908364	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	4		102	V V
						908372	Kế toá n ngâ n hà ng	2		101	V
						908373	Kế toá n xâ y dự ng	2		101	V V
						908374	Kế toá n Nô ng nghiệ p	2		101	V V
						908375	Kế toá n thương mạ i	2		101	V V
						908452	Phâ n tí ch kinh doanh	3		102	V V
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
33	07223208	LÊ VĂN THẮNG	TC07KE	174.0	5.62	908364	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	4		121	V
34	07223209	VÕ HỮU THỌ	TC07KE	94.0	3.27	900104	Lị ch sử Đả ng CSVN	4		092	V V
						900107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	3		102	V V
						908135	Luậ t tà i chí nh -kế toá n	4		092	V V
						908318	Kế toá n hà nh chí nh SN	3		102	V V
						908327	Nghiệ p vụ thanh toá n	3		111	V V
						908342	Tà i chí nh cô ng	3		082	2 1
						908347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	5		091	V V
						908349	Ngoạ i ngữ chuyê n ngà nh E	4		092	V V
						908351	Tà i chí nh doanh nghiệ p 2	5		092	V V
						908355	Sổ sá ch chứ ng từ kế toá n	4		102	V V
						908356	Kiể m toá n	4		111	V V
						908357	Hệ thố ng thô ng tin kế toá n	4		111	V V
						908364	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	4		102	V V
						908372	Kế toá n ngâ n hà ng	2		101	V
						908373	Kế toá n xâ y dự ng	2		101	V V
						908374	Kế toá n Nô ng nghiệ p	2		101	V V
						908375	Kế toá n thương mạ i	2		101	V V
						908452	Phâ n tí ch kinh doanh	3		102	V V
						908454	Quả n trị doanh nghiệ p	3		092	V V
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		1		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		9		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
35	07223210	NGUYỄN THỊ KIM THOA	TC07KE	98.0	3.46	900104	Lị ch sử Đả ng CSVN	4		092	V V
						900107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	3		102	V V
						908135	Luậ t tà i chí nh -kế toá n	4		092	V V
						908318	Kế toá n hà nh chí nh SN	3		102	V V
						908327	Nghiệ p vụ thanh toá n	3		111	V V
						908347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	5		091	V V
						908349	Ngoạ i ngữ chuyê n ngà nh E	4		092	V V
						908351	Tà i chí nh doanh nghiệ p 2	5		092	V V
						908355	Sổ sá ch chứ ng từ kế toá n	4		102	V V
						908356	Kiể m toá n	4		111	V V
						908357	Hệ thố ng thô ng tin kế toá n	4		111	V V
						908364	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	4		102	V V
						908372	Kế toá n ngâ n hà ng	2		101	V
						908373	Kế toá n xâ y dự ng	2		101	V V
						908374	Kế toá n Nô ng nghiệ p	2		101	V V
						908375	Kế toá n thương mạ i	2		101	V V
						908452	Phâ n tí ch kinh doanh	3		102	V V
						908454	Quả n trị doanh nghiệ p	3		092	V V
						913610	Anh vă n 2K	5		081	4 4
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		1		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
36	07223211	NGUYỄN THỊ MINH THÙY	TC07KE	88.0	3.34	900101	Chủ nghĩa xã hộ i khoa họ c	4		091	3 V
						900104	Lị ch sử Đả ng CSVN	4		092	V V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						900107	Tư tưở ng Hồ Chí Minh	3		102	V V
						902101	Toá n cao cấ p 1-K	3		072	2 V
						908135	Luậ t tà i chí nh -kế toá n	4		092	V V
						908318	Kế toá n hà nh chá nh SN	3		102	V V
						908327	Nghiệ p vụ thanh toá n	3		111	V V
						908342	Tà i chí nh cô ng	3		082	2 3
						908347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	5		091	V V
						908349	Ngoạ i ngữ chuyê n ngà nh E	4		092	V V
						908351	Tà i chí nh doanh nghiệ p 2	5		092	V V
						908355	Sổ sá ch chứ ng từ kế toá n	4		102	V V
						908356	Kiể m toá n	4		111	V V
						908357	Hệ thố ng thô ng tin kế toá n	4		111	V V
						908364	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	4		102	V V
						908372	Kế toá n ngâ n hà ng	2		101	V
						908373	Kế toá n xâ y dự ng	2		101	V V
						908374	Kế toá n Nô ng nghiệ p	2		101	V V
						908375	Kế toá n thương mạ i	2		101	V V
						908452	Phâ n tí ch kinh doanh	3		102	V V
						908454	Quả n trị doanh nghiệ p	3		092	V V
						913610	Anh vă n 2K	5		081	3 4
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		1		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		2		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
37	07223212	TRẦN THỊ THANH THỦY	TC07KE	169.0	5.85	908224	Thố ng kê doanh nghiệ pQ	2		082	3 1
						908347	Tà i chí nh doanh nghiệ p 1	5		091	2.0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

STT	Mã SV	Họ Và Tê n	Tê n lớ p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tê n mô n họ c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
38	07223214	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	TC07KE	170.0	5.77	908135	Luậ t tà i chí nh -kế toá n	4		092	3 V
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		3		
39	07223235	LÂM THỊ KIM TIẾN	TC07KE	172.0	5.96						
40	07223216	HẠ THỊ MINH TRANG	TC07KE	165.0	5.50	908355	Sổ sá ch chứ ng từ kế toá n	4		102	4.0 3.0
							Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
41	07223219	TRẦN THỊ BẢO TRÂN	TC07KE	167.0	6.28		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		12		
42	07223248	NGÔ PHÚ TRIỆU	TC07KE	183.0	5.52		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
43	07223233	TRẦN NHỰT TRƯỜNG	TC07KE	167.0	5.49						
44	07223221	ĐINH TIẾN TÙNG	TC07KE	183.0	5.69		Nhó m bắ t buộ c tự chọ n		4		
45	07223222	LÊ THỊ HOÀNG TUYẾN	TC07KE	172.0	5.93						
46	07223241	VŨ TRỌNG VĨNH	TC07KE	167.0	5.39	908364	ứ ng dụ ng tin họ c trong kế toá n	4		121	
						908452	Phâ n tí ch kinh doanh	3		102	
47	07223225	NGUYỄN THANH XUÂN	TC07KE	170.0	5.44	908224	Thố ng kê doanh nghiệ pQ	2		082	2 3
						908375	Kế toá n thương mạ i	2		101	4.0

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợ p Nhó m MH bắ t buộ c tự chọ n chưa tí ch lũ y đượ c

```
Nhóm TC  1: 3 TC (Min)
      908326 Thẩm định giá                3
      908350 Thẩm định giá                4
      908421 Dự án đầu tư Q               4

Nhóm TC  2: 3 TC (Min)
      908225 Tin học ứng dụng             3
      908458 Soạn thảo hợp đồng kinh tế M 3

Nhóm TC  3: 2 TC (Min)
      908456 Nghiệp vụ ngoại thương E     2
      908468 PP nghiên cứu khoa học       2

Nhóm TC  4: 10 TC (Min)
      908376 Tiểu luận tốt nghiệp         5
      908377 Môn cơ sở                    2
```

908378 Môn chuyên ngành 3
908902 Khóa luận tốt nghiệp 10

Nhóm TC 5: 3 TC (Min)
908337 Thuế 3
908370 Thuế 4

Nhóm TC 6: 3 TC (Min)
902614 Quản trị học B 3
902618 Quản trị học A 4

Nhóm TC 7: 3 TC (Min)
908340 Tài chính tiền tệ 3
908363 Tài chính tiền tệ 4

Nhóm TC 8: 3 TC (Min)
908220 Nguyên lý thống kê kinh tế 3
908231 Nguyên lý thống kê kinh tế 4

Nhóm TC 9: 5 TC (Min)
908346 Kế toán tài chính 1-KE 5
908371 Kế toán tài chính 1 6

Nhóm TC 10: 3 TC (Min)
902617 Xã hội học A 4
902621 Xã hội học 3
908101 Địa lý kinh tế 4

Nhóm TC 11: 4 TC (Min)
900102 Kinh tế chính trị 5
900111 Kinh tế chính trị 1 4

Nhóm TC 12: 3 TC (Min)
908338 Kế toán quản trị 4
908353 Kế toán quản trị-E 1 5
908367 Kế toán quản trị 3

In Ngà y 07/09/13

TP.HCM, Ngà y 07 thá ng 09 nă m 2013
Ngườ i lậ p biể u